



ASEANAC
HỢP TÁC - CỘNG THẮNG PHÁT TRIỂN

CÔNG TY TNHH THỦY ĐIỆN HUYỆN MƯỜNG TÈ
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & TƯ VẤN ASEAN

CÔNG TY TNHH THỦY ĐIỆN HUYỆN MƯỜNG TÈ
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Chủ tịch Công ty	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06-19
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10-19

CÔNG TY TNHH THỦY ĐIỆN HUYỆN MƯỜNG TÈ

Địa chỉ: Khu 2, thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY

Chủ tịch Công ty TNHH Thủy điện Huyện Mường Tè (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024.

CÔNG TY

Công ty TNHH Thủy điện Huyện Mường Tè là Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 1358/QĐ-UBND ngày 15/09/2009 của UBND tỉnh Lai Châu và Quyết định số 202/QĐ-UBND ngày 04/03/2020 của UBND tỉnh Lai Châu. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số: 6200044502 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lai Châu cấp lần đầu ngày 14 tháng 01 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 19 tháng 05 năm 2020."

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ tư ngày 19 tháng 05 năm 2020 là: **38.715.948.126 đồng (Bằng chữ: Ba mươi tám tỷ, bảy trăm mười lăm triệu, chín trăm bốn mươi tám nghìn, một trăm hai mươi sáu đồng).**

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Khu 2, thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu

CHỦ TỊCH "CÔNG TY"

Chủ tịch Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này là: ông Vũ Văn Bôi, cũng là người đại diện theo Pháp luật của Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn ASEAN đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Chủ tịch Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Chủ tịch Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Công ty và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY TNHH THỦY ĐIỆN HUYỆN MƯỜNG TÈ

Địa chỉ: Khu 2, thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu

Chủ tịch Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chủ tịch Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Vũ Văn Bồi

Lai Châu, ngày 19 tháng 07 năm 2024

Số: /2024/BC.KTTC-ASEAN

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Chủ tịch Công ty
Công ty TNHH Thủy điện Huyện Mường Tè

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty TNHH Thủy điện Huyện Mường Tè được lập ngày 19 tháng 07 năm 2024, từ trang 06 đến trang 19, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Chủ tịch Công ty

Chủ tịch Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã tiến hành công việc soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Đến thời điểm phát hành Báo cáo soát xét, chúng tôi chưa nhận được đầy đủ đối chiếu các khoản công nợ phải thu khách hàng có tổng giá trị: 255.099.582 đồng trong chi tiêu: "Phải thu ngắn hạn của khách hàng" trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2024. Bằng các thủ tục soát xét thay thế khác, chúng tôi không thể xác nhận số dư của các khoản mục này trên Báo cáo tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2023 cũng như ảnh hưởng của nó đến các khoản mục có liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Mai Việt Thắng

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 3421-2020-176-1

Hà Nội, ngày 19 tháng 07 năm 2024

Bùi Đình Đạt

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2471-2024-176-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.979.462.428	2.014.467.408
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	1.363.288.149	1.326.771.341
111	1. Tiền		1.363.288.149	1.326.771.341
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		616.174.279	687.696.067
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	850.179.524	687.696.067
136	2. Phải thu ngắn hạn khác	5	25.000.000	-
137	3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(259.005.245)	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		17.474.160.903	19.147.513.952
220	II. Tài sản cố định		17.281.269.107	18.903.290.609
221	1. Tài sản cố định hữu hình	6	17.281.269.107	18.903.290.609
222	- Nguyên giá		102.813.548.367	102.813.548.367
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(85.532.279.260)	(83.910.257.758)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		192.891.796	244.223.343
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	7	192.891.796	244.223.343
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		19.453.623.331	21.161.981.360

CÔNG TY TNHH THỦY ĐIỆN HUYỆN MƯỜNG TÈ

Địa chỉ: Khu 2, thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁNTại ngày 30 tháng 06 năm 2024
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.434.418.021	2.469.975.538
310	I. Nợ ngắn hạn		2.434.418.021	2.469.975.538
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	8	1.802.333.000	1.802.333.000
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9	352.723.041	349.583.680
314	3. Phải trả người lao động		63.437.822	109.529.200
319	4. Phải trả ngắn hạn khác		8.924.158	1.529.658
320	5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	10	207.000.000	207.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		17.019.205.310	18.692.005.822
410	I. Vốn chủ sở hữu	11	17.019.205.310	18.692.005.822
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		38.715.948.126	38.715.948.126
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		38.715.948.126	38.715.948.126
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(21.696.742.816)	(20.023.942.304)
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		(20.023.942.304)	(16.639.303.946)
421b	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>		(1.672.800.512)	(3.384.638.358)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		19.453.623.331	21.161.981.360

Bạc Thị Yên
Người lậpBạc Thị Yên
Phụ trách kế toánVũ Văn Bồi
Chủ tịch Công ty

Lai Châu, ngày 19 tháng 07 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024	kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	12	915.017.679	763.398.756
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		915.017.679	763.398.756
11	4. Giá vốn hàng bán	13	2.031.365.800	1.998.714.638
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(1.116.348.121)	(1.235.315.882)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	14	1.186.475	1.902.717
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		557.593.156	778.213.430
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.672.754.802)	(2.011.626.595)
31	11. Thu nhập khác		-	-
32	12. Chi phí khác	15	45.710	111.191
40	13. Lợi nhuận khác		(45.710)	(111.191)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(1.672.800.512)	(2.011.737.786)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(1.672.800.512)	(2.011.737.786)


Bạc Thị Yên
Người lập

Bạc Thị Yên
Phụ trách kế toánVũ Văn Bôi
Chủ tịch Công ty

Lai Châu, ngày 19 tháng 07 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày	kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày
			30/06/2024	30/06/2023
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		881.670.092	738.307.630
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(139.651.648)	(180.825.268)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(436.927.151)	(395.196.980)
07	4. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(269.760.960)	(242.250.804)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>35.330.333</i>	<i>(79.965.422)</i>
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
27	1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.186.475	1.902.717
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>1.186.475</i>	<i>1.902.717</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		36.516.808	(78.062.705)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.326.771.341	1.069.360.287
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>1.363.288.149</u>	<u>991.297.582</u>



Bạc Thị Yên
Người lập



Bạc Thị Yên
Phụ trách kế toán



Vũ Văn Bồi
Chủ tịch Công ty

Lai Châu, ngày 19 tháng 07 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Thủy điện Huyện Mường Tè là Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 1358/QĐ-UBND ngày 15/09/2009 của UBND tỉnh Lai Châu và Quyết định số 202/QĐ-UBND ngày 04/03/2020 của UBND tỉnh Lai Châu. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số: 6200044502 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lai Châu cấp lần đầu ngày 14 tháng 01 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 19 tháng 05 năm 2020."

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất điện.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất điện;
- Truyền tải và phân phối điện;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Xây dựng công trình điện;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được, Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.6 . Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 05 - 40 năm
- Máy móc, thiết bị 05 - 20 năm

2.7 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.8 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Việc tính khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản cùng loại khác và chi bắt đầu khấu hao từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

2.9 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.10 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.11 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của chủ sở hữu.

2.12 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

2.13 . Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

2.14 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;

CÔNG TY TNHH THỦY ĐIỆN HUYỆN MƯỜNG TÈĐịa chỉ: Khu 2, thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh
Lai Châu**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024

2.15 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Tiền mặt	22.242.582	47.846.332
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.341.045.567	1.278.925.009
	<u><u>1.363.288.149</u></u>	<u><u>1.326.771.341</u></u>

4 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		
- Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	591.174.279	428.690.822
- Trung tâm Viễn thông huyện Mường Tè	3.905.663	3.905.663
- Các khoản phải thu khách hàng khác	255.099.582	255.099.582
	<u><u>850.179.524</u></u>	<u><u>687.696.067</u></u>

5 . PHẢI THU KHÁC

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Ngắn hạn		
Tạm ứng	25.000.000	-
	<u><u>25.000.000</u></u>	<u><u>-</u></u>

CÔNG TY TNHH THỦY ĐIỆN HUYỆN MƯỜNG TÈ

Địa chỉ: Khu 2, thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024

6 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu kỳ	86.250.810.712		16.562.737.655		-		-		-		102.813.548.367
- Mua trong kỳ	-		-		-		-		-		-
- Xây dựng cơ bản hoàn thành	-		-		-		-		-		-
Số dư cuối kỳ	86.250.810.712		16.562.737.655		-		-		-		102.813.548.367
Giá trị hao mòn lũy kế											
Số dư đầu kỳ	68.712.894.919		15.197.362.839		-		-		-		83.910.257.758
- Khấu hao trong kỳ	1.068.974.964		553.046.538		-		-		-		1.622.021.502
Số dư cuối kỳ	69.781.869.883		15.750.409.377		-		-		-		85.532.279.260
Giá trị còn lại											
Tại ngày đầu kỳ	17.537.915.793		1.365.374.816		-		-		-		18.903.290.609
Tại ngày cuối kỳ	16.468.940.829		812.328.278		-		-		-		17.281.269.107

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 47.809.944.155 VND

CÔNG TY TNHH THỦY ĐIỆN HUYỆN MƯỜNG TÈĐịa chỉ: Khu 2, thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh
Lai Châu**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024

7 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Dài hạn		
Công cụ dụng cụ	54.971.662	70.808.994
Chi phí trả trước dài hạn khác	137.920.134	173.414.349
	<u><u>192.891.796</u></u>	<u><u>244.223.343</u></u>

8 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>30/06/2024</u>		<u>01/01/2024</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả</u>
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Điện lực Lai Châu	1.767.433.000	1.767.433.000	1.767.433.000	1.767.433.000
Phải trả các đối tượng khác	34.900.000	34.900.000	34.900.000	34.900.000
	<u><u>1.802.333.000</u></u>	<u><u>1.802.333.000</u></u>	<u><u>1.802.333.000</u></u>	<u><u>1.802.333.000</u></u>

CÔNG TY TNHH THỦY ĐIỆN HUYỆN MƯỜNG 1

Địa chỉ: Khu 2, thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024

9 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ		Số phải nộp đầu kỳ		Số phát sinh tăng trong kỳ		Số phát sinh giảm trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND		VND		Số được khấu trừ trong kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã khấu trừ trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ		
Thuế Giá trị gia tăng	-	265.403.222	10.573.353	42.705.265	10.573.353	10.573.353	61.763.200	-	246.345.287	
Thuế Tài nguyên	-	72.759.962	-	55.827.392	-	-	35.542.056	-	93.045.298	
Thuế bảo vệ môi trường	-	11.420.496	-	20.029.860	-	-	18.117.900	-	13.332.456	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	-	-	-	3.045.704	-	-	3.045.704	-	-	
	-	349.583.680	10.573.353	121.608.221	10.573.353	10.573.353	118.468.860	-	352.723.041	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY TNHH THỦY ĐIỆN HUYỆN MƯỜNG TÈ

Địa chỉ: Khu 2, thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024

	01/01/2024		Trong kỳ		30/06/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn						
Ban quản lý Phát triển Kinh tế Xã hội huyện Mường Tè	207.000.000	207.000.000	-	-	207.000.000	207.000.000
	207.000.000	207.000.000	-	-	207.000.000	207.000.000

CÔNG TY TNHH THỦY ĐIỆN HUYỆN MƯỜNG TÈĐịa chỉ: Khu 2, thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh
Lai ChâuBáo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024**11 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	38.715.948.126	-	(16.639.303.946)	22.076.644.180
Lãi/lỗ trong kỳ trước	-	-	(3.384.638.358)	(3.384.638.358)
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ trước	38.715.948.126	-	(20.023.942.304)	18.692.005.822
Số dư đầu năm nay	38.715.948.126	-	(20.023.942.304)	18.692.005.822
Lãi/lỗ trong kỳ nay	-	-	(1.672.800.512)	(1.672.800.512)
Số dư cuối kỳ nay	38.715.948.126	-	(21.696.742.816)	17.019.205.310

12 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024	kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2023
	VND	VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	915.017.679	763.398.756
	915.017.679	763.398.756

13 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024	kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2023
	VND	VND
Giá vốn của hoạt động sản xuất điện	2.031.365.800	1.998.714.638
	2.031.365.800	1.998.714.638

14 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024	kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.186.475	1.902.717
	1.186.475	1.902.717

15 . CHI PHÍ KHÁC

	kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024	kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2023
	VND	VND
Chi phí khác	6	-
Phạt vi phạm hành chính	45.704	111.191
	45.710	111.191

CÔNG TY TNHH THỦY ĐIỆN HUYỆN MƯỜNG TÈ

Địa chỉ: Khu 2, thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh
Lai Châu

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024

THÔNG TIN KHÁC

16 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ HOẠT ĐỘNG

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ hoạt động đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

17 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn ASEAN. Số liệu so sánh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023, đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn ASEAN.



Bạc Thị Yên
Người lập

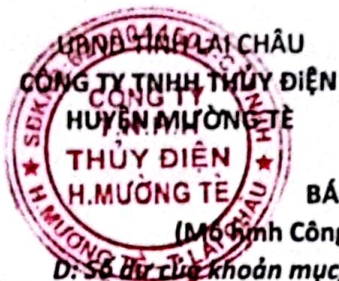


Bạc Thị Yên
Phụ trách kế toán



Vũ Văn Bồi
Chủ tịch Công ty

Lai Châu, ngày 19 tháng 07 năm 2024

**BÁO CÁO MỘT SỐ CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG**

(Mô hình Công ty độc lập, Công ty mẹ - Tập đoàn, Tổng công ty)

D: Số dư của khoản mục, P: Số phát sinh trong kỳ báo cáo (6 tháng đầu năm 2024)

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay/Số cuối kỳ	Năm trước/Số đầu kỳ
1. Nợ phải thu khó đòi	110	D (đồng)	259.005.245	705.218.320
a) Nợ phải thu khó đòi phát sinh trong năm	111	P (đồng)	0	156.931.001
b) Nợ phải thu khó đòi đã xử lý trong năm	112	P (đồng)	0	25.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong nước	120	D (đồng)	207.000.000	207.000.000
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng	121	D (đồng)		
b) Dư nợ cuối kỳ các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	122	D (đồng)	207.000.000	207.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn nước ngoài	130	D (đồng)		
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng	131	D (đồng)		
b) Dư nợ cuối kỳ các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn khác	132	D (đồng)		
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong nước	140	D (đồng)		
a) Vay dài hạn các NHTM, TCTD	141	D (đồng)		
b) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)	142	D (đồng)		
c) Thuê tài chính dài hạn trong nước	143	D (đồng)		
d) Các khoản vay dài hạn trong nước khác	144	D (đồng)		
5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn nước ngoài	150	D (đồng)		
a) Vay lại vốn ODA của Chính phủ	151	D (đồng)		
b) Vay nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh	152	D (đồng)		
c) Vay nước ngoài theo hình thức tự vay, tự trả	153	D (đồng)		
d) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)	154	D (đồng)		
e) Các khoản vay nước ngoài còn lại	155	D (đồng)		
6. Nợ phải trả quá hạn	156	D (đồng)		
7. Thuế và các khoản phát sinh còn phải nộp NSNN năm trước chuyển sang	157		349.583.680	323.417.523
8. Vốn điều lệ	200	D (đồng)	38.715.948.126	38.715.948.126
9. Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	300	P (đồng)	121.608.221	111.766.806

a) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh nội địa	310	P (đồng)	121.608.221	111.766.806
b) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh XNK	330	P (đồng)		
c) Cổ tức, số lợi nhuận còn lại phát sinh phải nộp NSNN	350	P (đồng)		
10. Thuế và các khoản phát sinh đã nộp NSNN	351	P (đồng)	118.468.860	113.081.234
- Lợi nhuận đã nộp NSNN	352	P (đồng)		
11. Thuế và các khoản còn phải nộp NSNN chuyển năm sau	360	D (đồng)	352.723.041	322.103.095
12. Tổng quỹ lương	622	P (đồng)	516.000.000	881.622.000
13. Số lao động bình quân (người)	610	P (người)	11	11
14. Tiền lương bình quân người/quý	623	P (đồng)	46.909.091	80.147.455

Ghi chú:

Báo cáo này nằm ngoài báo cáo tài chính của đơn vị. Doanh nghiệp căn cứ vào số liệu theo dõi trên sổ sách kế toán để nhập số liệu vào mẫu biểu.

Mường Tè, ngày 25 tháng 07 năm 2024

CÔNG TY TNHH THỦY ĐIỆN HUYỆN MƯỜNG TÈ

(Ký tên, đóng dấu)



Vũ Văn Bồi